TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH** ---------- Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST Ngày 01-10-2018 V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nam Bình; Bà Phạm Thị Thu

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Khánh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phốThái Bình tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/6/2018 về vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 08 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2018, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị **Ngô Quỳnh C**, sinh năm 1979

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 106, tổ 45, đường P, phường B, thành phố T.

Chỗ ở: Số 217, tổ 18, đường L, phường K, thành phố T.

2- Bị đơn: Anh **Bùi Ngọc Th**, sinh năm 1980

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số nhà 106, tổ 45, đường P, phường B, thành phố T.

(*Chị C có mặt, anh Th vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2018, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn chị Ngô Quỳnh C trình bày và có yêu cầu:*

Chị và anh Bùi Ngọc Th tự nguyện tìm hiểu, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố T, tỉnh T vào ngày 05/6/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng luôn bất đồng quan điểm do tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung, bản thân anh Th không chịu làm ăn thường hay chơi bời, mặc dù chị và gia đình đã khuyên giải nhưng anh Th không nghe. Đến đầu năm 2015 anh Th lao vào chơi bời và tự nghỉ việc, nên kinh tế gia đình chị ngày càng khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Khoảng tháng 02/2018 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại Số 217, tổ 18, đường L, phường K, thành phố T và chị được biết anh Th bị đưa vào Trung tâm cai nghiện bắt buộc tại Bệnh viện Tâm thần TW I, xã H, huyện T, Thành phố H từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được hôn nhân nên chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Ngọc Th.

* *Về con chung*: Chị và anh Th có hai con là Bùi Bảo Ch, sinh ngày 16/7/2003 và Bùi Tiến D, sinh ngày 01/6/2008.

Ly hôn chị nguyện vọng được nuôi hai con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện nay chị đang làm nghề lao động tự do thu nhập bình quân hàng tháng của chị từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng, ngoài ra mẹ chị còn khỏe hỗ trợ chị trong việc nuôi dạy và chăm sóc các con. Về nhà ở của mẹ chị rộng rãi, sạch sẽ, gần trường học nên rất thuận tiện cho việc đưa đón con đi học, chị đủ điều kiện nuôi dạy con, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con.

* *Về tài sản chung:* Chị và anh Bùi Ngọc Th không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Theo công văn số 81/2018/KHTH ngày 18/6/2018 của Bệnh viện tâm thần TWI – Bộ y tế trả lời:*

Bệnh viện Tâm thần TWI đã kiểm tra lưu trữ trên sổ và trên hệ thống phần mềm từ ngày 01/1/2018 đến ngày 15/6/2018 nhưng không có bệnh nhân nào tên Bùi Ngọc Th, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 106, tổ 45, đường P, phường B, thành phố T điều trị tại Bệnh viện Tâm thần TWI.

* *Ông Bùi Quang T – Tổ trưởng tổ dân phố số 45, phường B, thành phố T đại diện cho địa phương cung cấp*:

Anh Bùi Ngọc Th và chị Ngô Quỳnh C có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định, sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng mẹ đẻ anh Th từ năm 2002. Công việc của anh Th là lái xe chuyến Bắc - Nam đi về thất thường, thời gian khoảng 10 đến 15 ngày. Khoảng tháng 12/2017 anh Th và chị C không chung sống với nhau, chị C đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó. Nay chị C có đơn xin ly hôn anh Th, vậy địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Bùi Bảo Ch, sinh ngày 16/7/2003 và Bùi Tiến D, sinh ngày 01/6/2008. Hiện nay đang sinh sống tại nhà anh Th. Việc ai là người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con như thế nào địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị C không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Nên địa phương không có ý kiến gì.

** Ông Bùi Quốc N – Tổ trưởng tổ dân phố số 18, phường K, thành phố T đại diện cho địa phương cung cấp*:

Anh Th và chị C có đăng ký kết hôn hợp pháp, sau khi kết hôn chị C và anh Th sinh sống tại gia đình anh Th. Khoảng tháng 01/2018 chị C có về sinh sống tại nhà bà Trần Thị P (mẹ đẻ chị C) từ đó cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh Th, chị C thì địa phương không nắm được vì chị C không báo cáo gì với địa phương, khi làm thủ tục ly hôn chị Chi báo cáo do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và có đơn xin ly hôn anh Th.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Bùi Bảo Ch, sinh ngày 16/7/2003 và Bùi Tiến D, sinh ngày 01/6/2008. Hiện nay đang sinh sống tại nhà anh Th. Việc ai là người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con như thế nào địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị C không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Nên địa phương không có ý kiến gì.

** Bà Trần Thị P, sinh năm 1950; Địa chỉ: Số nhà 217, đường L, tổ 18, phường K, thành phố T (mẹ đẻ chị Ngô Quỳnh C) cung cấp:*

Về thủ tục đăng ký kết hôn giữa chị C và anh Th là hợp pháp, trong quá trình chung sống anh chị có nhiều mâu thuẫn và nguyên nhân do tính cách của anh chị không hòa hợp và do anh Th không chịu làm ăn nên dẫn đến vợ chồng có mẫu thuẫn trầm trọng, nay chị C xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Bùi Bảo Ch, sinh ngày 16/7/2003 và Bùi Tiến D, sinh ngày 01/6/2008. Hiện nay đang sinh sống tại nhà anh Th. Việc ai là người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con như thế nào địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu chị C được nuôi dưỡng con thì tôi hỗ trợ về thời gian và kinh tế để giúp chị C chăm sóc con chung.

Chị C không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Nên bà không có ý kiến gì.

** Bà Trần Thị C, sinh năm 1948; Địa chỉ: Số nhà 106, đường P, tổ 45, phường B, thành phố T (mẹ đẻ anh Th) cung cấp*:

Hiện nay anh Th đang đi làm ăn tại thành phố H mấy tháng về một đợt, chị C có đơn xin ly hôn anh Th - gia đình và anh Th đã biết và được nhận các thủ tục của Tòa án, anh Th không có ý kiến gì. Hiện nay theo bà và gia đình xác

định mâu thuẫn vợ chồng chị C anh Th đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị C có đơn xin ly hôn anh Th đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Bùi Bảo Ch, sinh ngày 16/7/2003 và Bùi Tiến D, sinh ngày 01/6/2008. Hiện nay do bà nuôi dưỡng, nếu anh Th và chị C ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị C không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Bà không có ý kiến gì.

Gia đình đã thông báo và giao cho anh Th các văn bản, thủ tục cho anh Th, anh Th không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Quỳnh C được ly hôn anh Bùi Ngọc Th.

+ Về con chung: Xử giao hai con Bùi Bảo Ch, sinh ngày 16/7/2003 và Bùi Tiến D, sinh ngày 01/6/2008 cho chị Ngô Quỳnh C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Ngọc Th không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị C.

+ Về tài sản: Do anh Bùi Ngọc Th chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

+ Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đương sự trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Bùi Ngọc Th không trình bày lời khai và vắng mặt trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Ngô Quỳnh C và anh Bùi Ngọc Th được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do

vợ chồng không thông cảm và chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống và làm ăn kinh tế dẫn đến luôn bất đồng quan điểm và tính cách không hòa hợp, vì vậy anh Th, chị C thường xuyên có những lời nói xúc phạm nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng từ năm 2015. Đến khoảng tháng 02/2018 chị C đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị C và anh Th ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Ngô Quỳnh C được ly hôn anh Bùi Ngọc Th là đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Chị C và anh Th có hai con chung là Bùi Bảo Ch, sinh ngày 16/7/2003 và Bùi Tiến D, sinh ngày 01/6/2008. Ly hôn, chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Xét thấy yêu cầu này của chị C, Hội đồng xét xử thấy: Từ khi vợ chồng ly thân đến nay hai con đang ở với bà Trần Thị C (mẹ đẻ anh Th) vì trước khi chị C bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thì vợ chồng và các con chị vẫn sống cùng với bà C. Khi ly hôn chị muốn ổn định chỗ ở và theo nguyện vọng của các con để Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, rồi chị mới đón các con về cho phù hợp, ngoài ra chị C có công việc lao động tự do nhưng thu nhập ổn định, nên cần xử giao hai con cho Bùi Bảo Ch, sinh ngày 16/7/2003 và Bùi Tiến D, sinh ngày 01/6/2008 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chị C không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Do anh Bùi Ngọc Th chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Ngô Quỳnh C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 147; Điều 203; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự. Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 24; Điều 27; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Ngô Quỳnh C được ly hôn anh Bùi Ngọc Th.

2- *Về con chung*: Xử giao hai con Bùi Bảo Ch, sinh ngày 16/7/2003 và Bùi Tiến D, sinh ngày 01/6/2008 cho chị Ngô Quỳnh C trực tiếp nuôi con. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi hai con cùng chị C.

3- *Về tài sản*: Không đặt ra giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị Ngô Quỳnh C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (*Chuyển số tiền thu tạm ứng án phí tại biên lai số 0007067 ngày 11/06/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình)* sang thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Chị Ngô Quỳnh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Bùi Ngọc Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *VKSNDTP Thái Bình;*
- *Người TGTT khác;*
- *UBND phường K, thành phố T;*
- *UBND phường B, thành phố T.*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Huyền